

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ GIÁO
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **25/2025/HNGĐ - ST**
Ngày 21 - 3 - 2025
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi
con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ GIÁO, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Kim Niệm;

Bà Lê Thị Phương Dung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Thành Long - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 340/2024/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Ngô Lê Phương T, sinh năm 1980; địa chỉ: Tổ D, ấp S, xã P, huyện P, tỉnh Bình Dương. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Phạm Văn T1, sinh năm 1974. Địa chỉ: Tổ D, ấp S, xã P, huyện P, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn bà Ngô Lê Phương T trình bày:

- Về hôn nhân: Bà và ông Phạm Văn T1 chung sống với nhau năm 1998, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã P, huyện T (nay là huyện P), tỉnh Bình Dương năm 1998, việc chung sống của ông bà là hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc, được hai bên gia đình đồng ý và có làm đám cưới theo phong tục tập quán. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng sau đó không hạnh phúc, thường xảy ra mâu thuẫn. Lý do mâu thuẫn do hai bên không hợp nhau, bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được. Hiện tại cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, bà xét thấy đời sống hôn nhân đã đến mức trầm trọng, mục

đích hôn nhân không đạt được nên làm đơn này xin được ly hôn với ông Phạm Văn T1.

- Về con chung: Bà và ông T1 có 04 con chung tên Phạm Thanh T2, sinh năm 1999; Phạm Thanh N, sinh năm 2003; Phạm Thanh B, sinh năm 2004; Phạm Hoàng L, sinh năm 2012. Hiện các con đang sinh sống với với ông bà. Hiện các con tên T2, N, B đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết. Con tên L đã trên 07 tuổi theo nguyện vọng của con, nếu con theo bà thì bà có nghĩa vụ nuôi dưỡng, chăm sóc, không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết

Bị đơn ông Phạm Văn T1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và triệu tập lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng ông T1 vắng mặt không có lý do, đồng thời cũng không có ý kiến trước yêu cầu khởi kiện của bà T.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký và việc chấp hành pháp luật tố tụng của những người tham gia tố tụng là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Ngô Lê Phương T đối với ông Phạm Văn T1; về con chung: Giao con chung tên Phạm Hoàng L, sinh ngày 11/3/2012 cho bà T chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông T1 không phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung, về nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án xin ly hôn mà bị đơn cư trú tại xã P, huyện P, tỉnh Bình Dương và nguyên đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo giải quyết. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, HĐXX xét thấy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

[2] Về sự vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn: Nguyên đơn bà Ngô Lê Phương T có đơn xin vắng mặt, bị đơn ông Phạm Văn T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng. Vì vậy, HĐXX quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Bà Ngô Lê Phương T và ông Phạm Văn T1 là những người có đủ điều kiện kết hôn, chung sống với nhau trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện T (nay là huyện P), tỉnh Bình Dương năm 1998 nên đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên đơn cho rằng mâu thuẫn hai vợ chồng xảy ra, lý do không hợp nhau, thường xuyên cãi nhau, hiện không

còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, do vậy nguyên đơn làm đơn xin ly hôn. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do cũng không có văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên HĐXX không có cơ sở để xem xét ý kiến của bị đơn.

HĐXX xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa nguyên đơn, bị đơn đã trầm trọng, tình cảm không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nguyên đơn xin ly hôn là hoàn toàn tự nguyện và có căn cứ nên HĐXX chấp nhận cho nguyên đơn và bị đơn ly hôn theo quy định tại các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Căn cứ vào lời khai của đương sự, bản sao giấy khai sinh, xác định bà Ngô Lê Phương T và ông Phạm Văn T1 có 04 con chung tên Phạm Thanh T2, sinh năm 1999; Phạm Thanh N, sinh năm 2003; Phạm Thanh B, sinh năm 2004; Phạm Hoàng L, sinh năm 2012, hiện tại các con đang sinh sống cùng ông T1, bà T.

HĐXX xét thấy cháu Hoàng L đã trên 07 tuổi và có nguyện vọng ở với mẹ, nên HĐXX xem xét nguyện vọng của con để giao con cho bà Ngô Lê Phương T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Nguyên đơn không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát về nội dung vụ án là có căn cứ nên HĐXX chấp nhận.

[8] Về án phí sơ thẩm: Đương sự phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Các Điều 9, 51, 56, 57, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Ngô Lê Phương T đối với bị đơn ông Phạm Văn T1 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

1. Về hôn nhân: Bà Ngô Lê Phương T được ly hôn với ông Phạm Văn T1.

2. Về con chung: Buộc ông Phạm Văn T1 giao con chung Phạm Hoàng L, sinh ngày 11/3/2012 cho bà Ngô Lê Phương T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Ông Phạm Văn T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, bà Ngô Lê Phương T cùng các thành viên trong gia đình không ai được cản trở ông Phạm Văn T1 trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì quyền lợi hợp pháp, chính đáng của con chưa thành niên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi đương sự có đơn yêu cầu phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Nguyên đơn không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Ngô Lê Phương T phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp trước đây theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án 0004325 ngày 17/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Phú Giáo;
- Chi cục THADS huyện Phú Giáo;
- UBND xã Phước Hòa, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương (số 02 năm 1998) thay cho thông báo ;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hiền